

Số: 1537/2026/QĐST-HNGĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1327/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Ngô Thanh T, sinh năm 1988; Căn cước công dân số: 079188003xxx do Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 21/01/2023; địa chỉ: Khu B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Lê Thế A, sinh năm 1988; Căn cước công dân số: 079088023xxx do Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/4/2021; địa chỉ: đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Ngô Ngọc A, sinh ngày 13/11/2015 cho bà Ngô Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Lê Ngô Bảo M, sinh ngày 07/5/2020 cho ông Lê Thế A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 8 (nay là Ủy ban nhân dân phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2014 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Ngô Ngọc An, sinh ngày 13/11/2015 cho bà Ngô Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Lê Ngô Bảo M, sinh ngày 07/5/2020 cho ông Lê Thế A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Ngô Thanh T và ông Lê Thế A chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số: 0041019 ngày 30/6/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 của Luật thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân KV10 – TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự KV10 – TP.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (12).



THẨM PHÁN

Phạm Thị Tuyết